

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH - TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Anh Tuấn
2. Ông Nguyễn Văn Len

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông: Trịnh Xuân Tùng - Cán bộ TAND huyện Như Thanh

Đại diện VKSND huyện Như Thanh tham gia phiên tòa:

Bà: Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2021/TLST- HNGĐ ngày 27/12/2021, Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1980

Trú tại: khu phố Cầu M, thị trấn Bến S, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1978

Trú tại: khu phố Cầu M, thị trấn Bến S, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa chị H và anh D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 24/12/2021; bản tự khai ngày 27/12/2021; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 05/01/2022; biên bản hòa giải lần 2 ngày 16/3/2022 cùng các tài*

liệu khác có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị H cho biết:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bến S (trước đây là xã Hải V), huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là hai bên khác nhau về tính cách, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dù đã tìm nhiều cách để hòa hợp nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tiến D có 02 con chung là:

Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/8/2003

Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/6/2012

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đề nghị hai bên tự thỏa thuận việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 05/01/2022 và ngày 16/3/2022, chị và anh D thỏa thuận: chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D, anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Duy đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Tiến Đ đã thành niên nên chị và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, Công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn, anh D chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con.

*** Ý kiến của bị đơn Nguyễn Tiến D:** Lời khai tại phiên tòa hôm nay cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án gồm: văn bản ghi ý kiến ngày 05/01/2022; *Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải lần 1 ngày 05/01/2022 và biên bản hòa giải lần 2 ngày 16/3/2022 cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:*

- Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bến S (trước là xã Hải V), huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, tuy trong quá trình chung sống có đôi lúc xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống khó khăn, quan điểm chưa đồng thuận nhưng tình cảm anh giành cho chị H vẫn còn, anh mong muốn cuộc sống con cái có bố, có mẹ. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh quay về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Anh và chị Trương Thị H có 02 con chung là:

Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/8/2003.

Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/6/2012

Anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu trường hợp bắt buộc phải ly hôn thì anh thống nhất với chị H là giao cháu Nguyễn Tiến D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Duy đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Tiến Đ đã thành niên, cháu muốn ở với ai cũng được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh đồng ý với ý kiến của chị H, theo đó chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con.

* *Tại các biên bản xác minh ngày 15/3/2022* bà Ngô Thị T – Trưởng khu phố Cầu M, TT. Bến S, huyện Như Thanh cho biết:

- Về hôn nhân: Chị H, anh D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Hải V (nay là TT. Bến Sung), huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh, chị sống cùng gia đình anh D tại Thị trấn Bến S, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hợp, hay mâu thuẫn xô xát, xung đột vũ lực nên chị H đã về Thành phố Thanh Hóa sinh sống. Địa phương cũng gặp gỡ hòa giải nhưng không vẫn không có kết quả. Nay chị H làm đơn ra Tòa án xin ly hôn với anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là: Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/8/2003; Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/6/2012 hiện sống cùng chị H.

- Về tài sản và công nợ: Đề nghị Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tổ tụng tại phiên tòa hôm nay, Tòa án, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 điều 56; Các điều 81; 82; 83 luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Trương Thị H đối với bị đơn Nguyễn Tiến D, giao con chung của anh chị là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/6/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H và chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Như Thanh theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Tiến D tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bến S (trước đây là xã Hải V), huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 09/01/2003 là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại điều 9 luật HNGĐ năm 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau về tính cách, quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột và sống ly thân. Anh D cũng đã tìm nhiều cách nín nhịn, hòa giải mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H cương quyết không đồng ý. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh quay về đoàn tụ với nhau.

Qua chứng cứ chị H, anh D cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập đó là các bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản xác minh tại địa phương. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của chị H, anh D thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, có kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc. Nay chị H có đơn ly hôn HĐXX thấy có cơ sở theo qui định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên chấp nhận đơn ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Tiến D thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/8/2003 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/6/2012. Hai bên thống nhất, giao cháu Nguyễn Tiến D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi cháu Duy cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Tiến Đ đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, hợp pháp và đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho con của anh chị do vậy HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Tiến D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS ; Điều 6; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. chị Trương Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000đ án phí DSST không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật đề xuất áp dụng giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81; 82, 83; 107; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

- **Về con chung:** Công nhận cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/8/2003 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/6/2012 là con chung của chị Trương Thị H, anh Nguyễn Tiến D. Giao cho chị Trương Thị H có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2022 đến khi cháu Tiến Duy đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Tiến Đ đã thành niên, phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Trương Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí HNGD sơ thẩm. Được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai số AA/2021/0003783, ngày 27 tháng 12 năm 2021. (Chị H đã nộp đủ án phí)

Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Chi cục THADS
- VKSND huyện Như Thanh
- UBND TT. Bến Sung.
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quân